

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

*V/v: Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;
2. Bà Hoàng Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị N (tên thường gọi: Ph), sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L, bà Lê Thị H; Địa chỉ: Thôn Tr, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thế V; Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Thôn Trung Lộ, xã Chư Kbô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, Tp. Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Duy H, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống dần dần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp nên xảy ra cãi vã với nhau, vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình chung sống, tôi và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu N (Sinh ngày 30/12/2012) và Nguyễn Hữu H2 (sinh ngày 29/6/2010). Do mâu thuẫn gia đình không hoà giải được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh H.

Tuy nhiên, sau khi nói chuyện với nhau, tôi và anh H cũng đã hoà giải được và tôi rút yêu cầu ly hôn, con chung, công nợ chung; tôi chỉ yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là thửa đất rẫy toạ lạc tại thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích 8000m², diện tích thực tế đo đạc được là 10911,04 m²; Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn L và bà Lê Thị H vào năm 2020; Trên đất trồng cà phê, tiêu và sầu riêng; đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sử dụng ổn định. Lý do tôi muốn tòa án phân chia cho rõ ràng để tôi có quyền lợi trong thửa đất trên.

Còn đối với tài sản vật dụng, đồ đạc trong gia đình thì tôi không yêu cầu phân chia.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung

sống hạnh phúc, đôi lúc cũng có va chạm nhưng bình thường giống như nhiều cặp vợ chồng khác; mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, tôi vẫn còn tình cảm với vợ con. Nên chị N yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý mà mong muốn được đoàn tụ với chị N. Sau khi vợ chồng nói chuyện, hoà giải và hiểu nhau hơn đã đi đến thống nhất, chị N sẽ rút yêu cầu ly hôn, con chung, công nợ chung, chỉ giải quyết về tài sản chung là thửa đất rẫy toạ lạc tại thôn thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích 8000m² (diện tích thực tế đo đạc được là 10911,04 m²); chúng tôi thống nhất chia thửa đất này cho mỗi người một phần, vị trí và số liệu cụ thể sau khi có kết quả đo đạc hai bên sẽ chỉ vị trí cụ thể. Đồng thời không bên nào được tự ý bán phần diện tích đất của mình được phân chia. Đối với các tài sản vật dụng trong gia đình thì không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn L trình bày: Vợ chồng tôi có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Hữu H và chị Lý Thị N. Vào năm 2020 vợ chồng tôi có chuyển nhượng cho vợ chồng anh H, chị N thửa đất diện tích 8000m², tại thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nguồn gốc đất do vợ chồng tôi khai khoảng vào khoảng 1997, năm 1998. Khi khai hoang là đất trồng, đất xình; sau đó vợ chồng tôi cải tạo đất và trồng cà phê; cũng chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 07/12/2020 vợ chồng tôi chuyển nhượng cho vợ chồng anh H, chị N với giá 650.000.000 đồng; tứ cận như sau:

Phía đông giáp suối;

Phía tây giáp khe suối và ông Lê Văn Th;

Phía nam giáp suối;

Phía bắc giáp suối.

Hai bên có lập gáy sang nhượng rẫy, tôi có viết nhằm số tiền chuyển nhượng là 600.250.000 đồng thực tế là 650.000.000 đồng.

Vợ chồng tôi đã bàn giao thửa đất cho vợ chồng anh H, chị N canh tác, quản lý từ đó cho đến nay và vợ chồng anh H, chị N đã trả đủ tiền cho vợ chồng tôi.

Đến nay anh H, chị N có yêu cầu ly hôn và chia tài sản tại Toà án nhân dân huyện Krông Búk thì tôi trình bày ý kiến như trên; vợ chồng tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi nào anh H, chị N có yêu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng tôi luôn hợp tác để làm Giấy tờ cho vợ chồng anh H, chị N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Tôi có quen vợ chồng anh H Ph; anh chị có vay tiền của tôi là 50.000.000 đồng năm 2023. Anh H và chị N ly hôn với nhau tôi không yêu cầu Toà án giải quyết, tôi sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: + Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn chị Lý Thị N về vấn đề ly hôn, con chung, công nợ chung. + Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn chị Lý Thị N. Tạm giao cho nguyên đơn chị Lý Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83 số hoá, tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích đường) là: 4848.4m² và tài sản gắn liền với đất. Tạm giao cho bị đơn anh Nguyễn Hữu H được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 83 số hoá, tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích suối và đường) là: 4520,8m² và tài sản gắn liền với đất. Về chi phí tố tụng và án phí: Xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị N yêu cầu Toà án giải quyết về ly hôn, con chung, tài sản và công nợ chung; Trước khi mở phiên tòa, chị N rút yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung, công nợ chung chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H, ông Nguyễn Thế V, Ngân hàng C không có yêu cầu giải

quyết về công nợ đối với chị N, anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, chị N và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hữu N (Sinh ngày 30/12/2012) và Nguyễn Hữu H2 (sinh ngày 29/6/2010). Do mâu thuẫn gia đình nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hải. Anh H mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, chị N, anh H đã có tiếng nói chung nên tại phiên hoà giải, chị N rút yêu cầu về ly hôn, con chung và công nợ chung; vì vậy cần chấp nhận việc rút yêu cầu về ly hôn, con chung và công nợ chung của chị N; đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị N về ly hôn, con chung, công nợ chung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về tài sản chung:

Chị N và anh H thống nhất yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là thửa đất rẫy toạ lạc tại thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích khoảng 8000m², nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn L, bà Lê Thị H, đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo nguyện vọng của chị N và anh H yêu cầu Tòa án phân chia một người được nhận một phần diện tích.

Qua xem xét thẩm định và đo đạc tại chỗ thể hiện diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 57 và một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 83 số hoá địa chính; chia thành 02 thửa như sau:

Thửa thứ nhất: Một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83: Vị trí tứ cận:

- Phía Đông giáp đường đất, cạnh dài 86,47m.
- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 57 (hiện do ông Lê Văn Th canh tác); cạnh dài lần lượt 44,44m, 36,73m, 12,57m.
- Phía Nam giáp suối, cạnh dài lần lượt 37,81m, 19,58m, 5,53m.
- Phía Bắc giáp đường đất; cạnh dài lần lượt 25,33m, 32,74m.

Tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích đường) là: 4848.4m².

Tài sản trên đất gồm:

- Cà phê vối: 200 cây trồng năm thứ 7;

- Sầu riêng ghép: 20 cây trồng năm thứ 3 và thứ 5;
- Tiêu: 100 cây trồng năm thứ 7;
- Bơ: 05 cây trồng năm thứ 7.

Trị giá: 387.872.000 đồng.

Thửa thứ hai: Một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 83: Vị trí tứ cận:

- Phía Đông giáp suối, cạnh dài lần lượt 34,03m, 21,51m, 5,05m, 16,58m.
- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 63; cạnh dài lần lượt 18,49m, 35,74m.
- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 63, cạnh dài lần lượt 25,98m, 67,87m, 20,38m.
- Phía Bắc giáp suối; cạnh dài lần lượt 21,14m, 32,65m, 19,64m, 6,66m.

Tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích suối và đường) là: 4520,8m².

Tài sản trên đất gồm:

- Cà phê vôi: 100 cây trồng N thứ 7;
- Sầu riêng ghép: 30 cây trồng từ năm thứ 3, thứ 4 và năm thứ 7;
- Mít thái: 07 cây trồng năm thứ 4;
- Măng cầu: 04 cây trồng năm thứ 5.

Trị giá: 361.664.000 đồng.

(Theo Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 09/TĐ/2024 ngày 19 /3/2024 của Chi nhánh Công ty cổ phần công nghệ hạ tầng cơ sở A).

02 thửa đất trên do chị N và anh H canh tác, quản lý ổn định từ N 2020 cho đến nay. Chị Năm, anh H thống nhất phân chia cho chị N được nhận thửa thứ nhất, anh H được nhận thửa thứ hai. Nguyên vọng của chị N, anh H là hoàn toàn tự nguyện; mục đích phân chia để rõ ràng về tài sản riêng của vợ chồng. Việc tự nguyện thoả thuận này không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung của chị N. Tạm giao cho chị N thửa đất thứ nhất và tạm giao cho anh H thửa đất thứ hai theo nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định tại .

Như vậy, giá trị tài sản chị N được nhận là 387.872.000 đồng; giá trị tài sản anh H được nhận là 361.664.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, chi phí đo đạc của Chi nhánh Công ty cổ phần công nghệ hạ tầng cơ sở AITOGY là 5.000.000 đồng. Chi N tự nguyện chịu các chi phí này (đã chi phí xong).

[5] Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 9.696.800 đồng án phí chia tài sản chung, miễn án phí chia tài sản chung cho anh H vì thuộc gia đình có công với cách mạng phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 28, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 3 Điều 147, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 28, Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn chị Lý Thị N về vấn đề ly hôn, con chung, công nợ chung.

[2] Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn chị Lý Thị N.

[2.1] Tạm giao cho nguyên đơn chị Lý Thị N được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83 số hoá: Vị trí tứ cận:

- Phía Đông giáp đường đất, cạnh dài 86,47m.
- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 57 (hiện do ông Lê Văn Th canh tác); cạnh dài lần lượt 44,44m, 36,73m, 12,57m.
- Phía Nam giáp suối, cạnh dài lần lượt 37,81m, 19,58m, 5,53m.
- Phía Bắc giáp đường đất; cạnh dài lần lượt 25,33m, 32,74m.

Tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích đường) là: 4848.4m². Tài sản trên đất gồm các cây công nghiệp: Cà phê, sầu riêng ghép, tiêu, bơ.

[2.2] Tạm giao cho bị đơn anh Nguyễn Hữu H được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 83 số hoá: Vị trí tứ cận:

- Phía Đông giáp suối, cạnh dài lần lượt 34,03m, 21,51m, 5,05m, 16,58m.
- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 63; cạnh dài lần lượt 18,49m, 35,74m.
- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 63, cạnh dài lần lượt 25,98m, 67,87m, 20,38m.
- Phía Bắc giáp suối; cạnh dài lần lượt 21,14m, 32,65m, 19,64m, 6,66m.

Tổng diện tích đất canh tác (sau khi trừ diện tích suối và đường) là: 4520,8m². Tài sản trên đất gồm các cây công nghiệp: Cà phê, măng cầu, sầu riêng ghép, mít ghép.

(Theo Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 09/TĐ/2024 ngày 19 /3/2024 của Chi nhánh Công ty cổ phần công nghệ hạ tầng cơ sở A).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lý Thị N và anh Nguyễn Hữu H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật đất đai.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, chi phí đo đạc của Chi nhánh Công ty cổ phần công nghệ hạ tầng cơ sở A là 5.000.000 đồng. Chị Lý Thị N tự nguyện chịu các chi phí này (đã chi phí xong).

[4] Về án phí:

Chị Lý Thị N phải chịu số tiền 9.696.800 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phân chia tài sản chung; được khấu trừ vào số tiền 7.156.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0004339 ngày 24/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk; chị Lý Thị N còn phải nộp số tiền 2.540.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phân chia tài sản chung vì thuộc gia đình có công với cách mạng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- UBND xã C, huyện K;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn Tín

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí định giá tài

sản là 4.000.000 đồng, chi phí đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật địa trắc Sài Gòn, chi nhánh Đắk Lắk là 7.700.000 đồng.